

Số: ...9...../BC-UBND

Tân Yên, ngày 10 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2020

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, ngay từ đầu năm, UBND huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ và các Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019. Tình hình kinh tế - xã hội của huyện đạt được kết quả khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, có 17/17 chỉ tiêu kinh tế- xã hội chủ yếu đạt và vượt kế hoạch. So với mục tiêu Đại hội đảng bộ huyện Tân Yên khóa XXI, nhiệm kỳ 2015-2020, có 10/14 mục tiêu đạt và vượt mục tiêu Đại Hội, 4/14 mục tiêu hoàn thành theo tiến độ đề ra¹. Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo những nội dung chủ yếu về tình hình kinh tế- xã hội năm 2019 và đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế- xã hội năm 2020, như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Phát triển kinh tế

1.1. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, quản lý điện năng

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn đang trên đà phát triển; một số dự án công nghiệp đã được đầu tư xây dựng và đi vào sản xuất tạo việc làm mới cho hơn 700 lao động tại địa phương². Một số lĩnh vực công nghiệp phát triển mạnh như: Sản xuất linh kiện điện tử, may mặc, cơ khí và sản xuất bao bì catton. Hoạt động sản xuất CN-TTCN đã tạo việc làm cho khoảng 15.000 lao động, trong đó lĩnh

¹ Có 10/14 mục tiêu hoàn thành và vượt mục tiêu Đại hội: Tốc độ tăng giá trị sản xuất 15,1% (mục tiêu Đại hội tăng từ 12-14%); cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành kinh tế (giá hiện hành): Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 32,5% (mục tiêu Đại hội 38-39%); công nghiệp - xây dựng chiếm 38,4% (mục tiêu Đại hội 37-39%); thương mại- dịch vụ chiếm 29,1% (mục tiêu Đại hội 22-24%); giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng (mục tiêu Đại hội đạt từ 70-73 triệu đồng); thu ngân sách trên địa bàn (không tính thu tiền cấp quyền sử dụng đất) 118,9 tỷ đồng, tăng bình quân 15,65%/năm (mục tiêu Đại hội tăng từ 10-15%); giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha canh tác đạt 152 triệu đồng (mục tiêu Đại hội từ 140- 150 triệu đồng); Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 96% (mục tiêu Đại hội 95%), tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học đạt 98% (mục tiêu Đại hội 98%); Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,2% (mục tiêu Đại hội 70%), số lao động tạo việc làm mới 3450 người (mục tiêu Đại hội 3400 người/năm); Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 89,4% (mục tiêu Đại hội 86%), tỷ lệ danh hiệu làng, khu phố văn hóa cấp huyện 83,9% (mục tiêu Đại hội 70%); Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế 100% (mục tiêu Đại hội 100%), tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 98,9% (mục tiêu Đại hội 85%). 04/14 mục tiêu hoàn thành tiến độ đề ra: Xây dựng NTM đạt 68,2%; Tổng giá trị đầu tư trên địa bàn đạt 77,1%; Tỷ lệ dân số đô thị và các chỉ tiêu về môi trường.

² Dự án sản xuất linh kiện điện tử của Công ty TNHH Industry and Trade VN, dự án sản xuất các sản phẩm từ giấy của Công ty TNHH bao bì Đại Dương, dự án nhà máy sản xuất hàng dệt may của Công ty cổ phần đầu tư Sơn Hà (Lan Cốt), cơ sở sản xuất may mặc của Công ty TNHH XNK Thăng Nhung- Đại Hóa. ...

vực công nghiệp khoảng 10.000 lao động, lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp khoảng 5.000 lao động. Giá trị sản xuất CN- TTCN ước đạt 1.550 tỷ đồng đạt 103,3% kế hoạch, tăng 25,5% so với cùng kỳ³. Ngành chiếm tỷ trọng chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo 1524,4 tỷ, tăng 125,7% so cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện, cung cấp nước và xử lý rác thải 14,3 tỷ, tăng 9,8% so cùng kỳ. Một số doanh nghiệp có tốc độ phát triển tăng từ 31% - 46% so với cùng kỳ như: Công ty cổ phần đầu tư Sơn Hà, Công ty may Tân Tiến, Công ty TNHH SX giấy và bao bì Duy Khánh, Công ty thành Trung Korea, Công ty CP ĐTXD Ngọc Thiện TJC, Công ty cổ phần gạch Đại Thắng... Hoàn thành công tác xóa bỏ hoạt động sản xuất gạch theo công nghệ lò vòng đối với 6 cơ sở, đạt 100% kế hoạch.

Ngành điện đã đầu tư xây dựng mới 39 Trạm biến áp, 8,8km đường dây trung thế; sửa chữa thường xuyên lưới điện hạ thế, trồng mới 110 cột điện hạ thế với tổng mức đầu tư 32 tỷ đồng đảm bảo nguồn điện cho sản xuất và tiêu dùng; sản lượng điện năng tiêu thụ ước khoảng 173,7 triệu Kw/h tăng 12,3% so với cùng kỳ.

1.2. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ước đạt 4.201 tỷ đồng, bằng 95,1% kế hoạch, tăng 7,1% so với cùng kỳ.

- *Trồng trọt*: Tổng diện tích gieo trồng 20.993ha, đạt 100,5% KH, bằng 99,2% so với cùng kỳ⁽⁴⁾. Tiếp tục duy trì sản xuất tại 24 cánh đồng mẫu với quy mô từ 21-50ha/cánh đồng. Thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 80/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của HĐND huyện Quy định nội dung, mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020, kết quả đã mở rộng diện tích vùng sản xuất lúa chất lượng TBR225, Kim Cương 111, BG1, Đại Đồng ... diện tích 4.600 ha; duy trì và phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại 45 mô hình (*trong đó 27 mô hình sản xuất rau, hoa trong nhà lưới, nhà màng; 18 mô hình tưới tự động trên cây ăn quả*), số tiền 251,4 triệu đồng. Chủ động liên kết với 16 doanh nghiệp vào địa bàn liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện Nghị quyết số 48/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015 của HĐND huyện về hỗ trợ phát triển sản xuất cây ăn quả giai đoạn 2016-2020; Đề án phát triển cây vú sữa; dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi. Kết quả, đến nay tổng diện tích cây ăn quả trên địa bàn 3.417ha (*trồng mới 614ha, số tiền hỗ trợ 631,2 triệu đồng*); trong đó, có 2.600 ha cây ăn quả cho thu hoạch, sản lượng 28.300 tấn, giá trị ước đạt 603,2 tỷ đồng⁵. Mở rộng vùng cây ăn quả đạt tiêu chuẩn VietGAP diện tích 333,3 ha

³ Trong đó giá trị sản xuất của các hộ cá thể 1013,8 tỷ; giá trị sản xuất của các doanh nghiệp 520,9 tỷ đồng; giá trị sản xuất của các HTX 15,3 tỷ đồng.

⁴ Trong đó: lúa 12.822 ha đạt 100,6% KH, bằng 99,8% so với cùng kỳ, năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 56,2 tạ/ha, sản lượng đạt 72.053 tấn đạt 98,7% KH, bằng 95,5% so với cùng kỳ; diện tích lạc 2.100 ha đạt 92,9% KH, bằng 98,0 % so với cùng kỳ, sản lượng đạt 5.638 tấn đạt 93,5% KH, bằng 98,5% so với cùng kỳ; Ngô diện tích 2191 ha đạt 99,6% KH, bằng 98% so với cùng kỳ (trong đó, ngô hàng hóa 1.870ha, sản lượng ước đạt 8.805 tấn đạt 104%KH, bằng 103,2% so với cùng kỳ; Cây rau quả thực phẩm các loại 2.674 ha đạt 107,2%KH, bằng 99,4% so với cùng kỳ; Khoai tây 176 ha đạt 106,7%KH, bằng 84,6% so với cùng kỳ, sản lượng 2.559 tấn; Khoai lang 497 ha, sản lượng 5.884 tấn, đạt 84,1% KH, và 97,7% so với cùng kỳ.

⁵ Trong đó, Diện tích cây vải 1.329 ha, đạt 100% KH (*vải sớm 1.150 ha*), sản lượng đạt 14.784 tấn (*vải sớm 12.950 tấn, vải muộn 1.834 tấn*), bằng 113,7 % KH, tăng 13,7% so với cùng kỳ, giá trị ước đạt 443,5 tỷ đồng; cây nhãn diện tích 421 ha, sản lượng 1.660 tấn, giá trị đạt 33,2 tỷ đồng; cây vú sữa diện tích 42 ha, sản lượng đạt 190 tấn, giá trị 6,1 tỷ đồng; Cây ôi diện tích 203 ha, sản lượng ước đạt 1.472 tấn, giá trị 22 tỷ đồng.

(vải sớm 278 ha; ổi 35,3 ha; bưởi 15 ha; vú sữa 5 ha). Duy trì và mở rộng vùng sản xuất cây ăn quả theo quy trình VietGAP, đảm bảo chất lượng ATTP 1200 ha.

- *Chăn nuôi, thủy sản*: Đàn trâu, bò, gia cầm, thủy sản phát triển ổn định, giá bán một số sản phẩm ổn định ở mức cao khuyến khích người chăn nuôi tiếp tục sản xuất⁶. Công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả⁷. Công tác phòng chống dịch bệnh; tiêu độc, khử trùng và chôn huỷ lợn bệnh trên địa bàn huyện được kịp thời, chặt chẽ, đảm bảo theo đúng quy định. Trong năm, có 396 con lợn và 03 con trâu nghi mắc bệnh LMLM ở 45 hộ tại 38 thôn thuộc 12 xã đã được khoanh vùng và khống chế kịp thời; bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra gây thiệt hại cho người chăn nuôi lợn, tính đến ngày 10/12/2019, toàn huyện đã chôn huỷ tổng số 10.213 con lợn nghi mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, Tai xanh⁸, khối lượng 501,7 tấn ở 756 hộ, 210 thôn, khu phố thuộc 24 xã, thị trấn.

- *Công tác thủy lợi, đê điều, phòng chống lụt bão* được triển khai quyết liệt. Tổ chức kiểm tra và xử lý dứt điểm 7/11 trường hợp vi phạm pháp luật hành lang đê; kiểm tra, phát hiện sự cố, tổ chức lực lượng xử lý giờ đầu, hạn chế vết sạt trượt tại K10+910 đến K10+970 đê Hữu Thương thuộc địa bàn xã Liên Chung.

1.3. Xây dựng nông thôn mới

Ngay từ đầu năm, Ban chỉ đạo huyện ban hành, triển khai thực hiện Kế hoạch số 27/KH-BCĐ ngày 25/02/2019 về xây dựng nông thôn mới năm 2019; tập trung chỉ đạo thực hiện xây dựng NTM đối với các xã chưa về đích; duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí đối với xã đã về đích NTM. Thực hiện rà soát các tiêu chí huyện NTM để đăng ký huyện về đích NTM năm 2020. Chỉ đạo các xã đăng ký đạt chuẩn NTM năm 2019 đẩy nhanh tiến độ thực hiện hạng mục công trình; kết quả, tổng số tiêu chí đạt được 410 tiêu chí, bình quân đạt 18,6 tiêu chí/xã, có thêm 4 xã đạt chuẩn NTM (*Nhã Nam, Ngọc Vân, Việt Ngọc, Lan Giới*), nâng tổng số xã đạt chuẩn 15/22 xã; 02 xã: An Dương, Hợp Đức tỉnh đã thẩm định chờ quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM; xã Ngọc Thiện đã thẩm tra xong, đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị tỉnh thẩm định; thôn Hợp Tiến, xã Cao Thượng đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu. Tổ chức kiểm tra, rà soát xác định danh mục, đẩy nhanh tiến độ thực hiện công trình để hoàn thành tiêu chí NTM đối với 4 xã (*Song Vân, Cao Xá, Tân Trung, Liên Chung dự kiến thời gian hoàn thành vào cuối tháng 12/2019*). Rà soát các tiêu chí huyện NTM để xác định chỉ tiêu từng tiêu chí chưa đạt, có kế hoạch thực hiện.

1.4. Giao thông, xây dựng, quy hoạch

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản được tăng cường và có chuyển biến tích cực. Công tác phân bổ nguồn vốn, phê duyệt chủ trương đầu tư, thẩm

⁶ Tổng đàn trâu 3.630 con đạt 99,9% KH, sản lượng thịt hơi 223 tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ; đàn bò 21.600 con, đạt 94,7% KH, giảm 4,09% so với cùng kỳ, sản lượng thịt hơi 952 tấn; đàn gia cầm 2.503 nghìn con đạt 100,1% KH, tăng 4,29% so với cùng kỳ, sản lượng thịt hơi 4.850 tấn đạt 107,8 % KH; đàn lợn 170.000 con, giảm 23,68% so với cùng kỳ, đạt 75,6% KH, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 24.092 tấn giảm 21,4% so với cùng kỳ, đạt 75,6% KH. Tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt 31.825 tấn, đạt 84,8% KH, giảm 12,1% so với cùng kỳ. Diện tích nuôi thủy sản 1.370 ha, đạt 99,49% KH, sản lượng đạt 8.850 tấn tăng 3,59% so với cùng kỳ, đạt 102,3% KH.

⁷ Kết quả, đã hoàn thành tiêm 6.300 liều vắc xin LMLM cho đàn trâu bò và đàn lợn; tiêm vắc xin Đại cho đàn chó, mèo được 27.222/25.000 liều, đạt 108,89% KH.

⁸ Trong đó: 9.101 con lợn thịt, 1.080 con lợn nái, 32 con lợn đực giống

định báo cáo kinh tế kỹ thuật, đấu thầu, giám sát thi công, quản lý dự án... đã được triển khai thực hiện theo Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật. Năm 2019, giá trị xây dựng ước đạt 3.420 tỷ đồng, bằng 99,1% kế hoạch, tăng 22,9% so với cùng kỳ; triển khai thực hiện 233 công trình (*trong đó, có 34 công trình huyện làm chủ đầu tư⁹; 117 công trình xây dựng NTM, 82 công trình cấp xã làm chủ đầu tư*), đến nay các công trình cơ bản đã hoàn thành đi vào sử dụng. Tình hình thanh toán nợ đọng XDCCB được các đơn vị, UBND các xã, thị trấn quan tâm thực hiện, đến nay trên địa bàn huyện không còn nợ đọng XDCCB. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn. Kết quả, đã cấp hỗ trợ xi măng được 58.360 tấn ứng với 249 km đường GTNT, đạt 101,6 % KH trên địa bàn 24 xã, thị trấn.

Thực hiện lập quy hoạch vùng huyện nông thôn mới; lập quy hoạch chi tiết nghĩa trang An Lạc Viên; khu dân cư đô thị phía Đông thị trấn Cao Thượng 62 ha; khu dân cư đô thị xã Cao Xá 25 ha; khu dân cư đô thị phía Đông Bắc thị trấn Nhã Nam 75 ha.

1.5. Thương mại và dịch vụ

Hoạt động thương mại- dịch vụ trên địa bàn phát triển ổn định, sản phẩm hàng hóa ngày càng đa dạng về chủng loại, chất lượng ngày càng được nâng cao, mẫu mã ngày càng đổi mới đáp ứng nhu cầu mua, bán hàng hóa và sử dụng dịch vụ của người dân. Quản lý thị trường, giá cả, phòng chống buôn lậu, hàng giả, gian lận thương mại được tăng cường¹⁰. Hoạt động xúc tiến thương mại được quan tâm thực hiện; các sản phẩm nông sản, đặc trưng, thế mạnh của huyện ngày càng được nhiều người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh biết đến và sử dụng thông qua các chương trình quảng bá, trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các hội nghị, hội chợ như Hội nghị xúc tiến tiêu thụ Vải thiều; Hội nghị tổng kết 10 năm xây dựng nông thôn mới; Hội thảo “Xúc tiến thương mại” và Ngày hội “Phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp”; tại Đại hội đại biểu các Dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang lần thứ 3.... Giá trị thương mại- dịch vụ ước đạt 3.757 tỷ đồng, đạt 106,6% kế hoạch, tăng 25,9% so với cùng kỳ.

1.6. Công tác tài chính, tín dụng, ngân hàng

Công tác thu ngân sách được triển khai đồng bộ, quyết liệt ngay từ đầu năm đảm bảo vượt kế hoạch giao thu năm 2019. Kết quả thu ngân sách nhà nước ước đạt 1.346,2 tỷ đồng, bằng 188,7 % so với dự toán, tăng 25,9% so với cùng kỳ. Hầu hết các chỉ tiêu thu đạt khá, có 9/10 chỉ tiêu thu hoàn thành và vượt dự toán huyện giao, còn 01 chỉ tiêu không đạt kế hoạch (*Phí lệ phí, ước thực hiện 3,2 tỷ đạt 84%KH*). Chi ngân sách ước đạt 1.282,8 tỷ đồng, đạt 184,9% so với dự toán giao, tăng 24,6% so cùng kỳ.

Tổng huy động nguồn vốn của các ngân hàng, tổ chức tín dụng ước 3.586,8 tỷ đồng, tăng 5,7% so với cùng kỳ¹¹. Tổng dư nợ tín dụng ước 2.105,2 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ¹²; nợ xấu 21,5 tỷ đồng bằng 1,02% so với tổng dư nợ⁽¹³⁾.

⁹ Trong đó, 09 công trình xây dựng mới (08 công trình XDCCB, 01 công trình hạ tầng dân cư); 24 công trình chuyển tiếp (18 công trình hạ tầng khu dân cư; 06 công trình XDCCB); 03 công trình chưa thực hiện: Cải tạo nâng cấp nhà làm việc Huyện ủy, xây dựng bãi rác tập trung của huyện; chỉnh trang hạ tầng các khu đô thị huyện.

¹⁰ Đã tổ chức kiểm tra 199 lượt tại các cơ sở kinh doanh hàng hóa, trong đó xử lý 122 trường hợp vi phạm với số tiền 844.495.000 đồng (xử phạt hành chính 237.800.000 đồng; bán hàng tịch thu 61.600.000 đồng; trị giá hàng hóa tiêu hủy 545.096.000 đồng).

¹¹ Huy động vốn: Ngân hàng NN&PTNT 2.650 tỷ đồng, Ngân hàng Đông Á 262 tỷ đồng, Ngân hàng đầu tư và phát triển 295 tỷ đồng; các tổ chức tín dụng 379,8 tỷ đồng.

1.7. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, các doanh nghiệp trên địa bàn cũng đang phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Trong năm thành lập mới 45 doanh nghiệp, đạt 250% kế hoạch, tăng 55,2% so với cùng kỳ; tổng số doanh nghiệp trên địa bàn là 343 doanh nghiệp, tạo việc làm cho trên 12.000 lao động. Cấp giấy đăng ký kinh doanh cho 780 hộ ĐKKD; thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh 188 giấy ĐKKD; đăng ký kinh doanh cho 12 HTX và thay đổi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 02 HTX; thành lập mới 12 HTX, đạt 200%KH.

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp; trong năm có 19 dự án đầu tư mới, 5 dự án xin điều chỉnh, 11 dự án xin giãn tiến độ thực hiện; đến nay UBND tỉnh ra quyết định chấp thuận đầu tư cho 8/19 dự án đầu tư mới¹⁴, 03/5 dự án xin điều chỉnh, 8/11 dự án xin giãn tiến độ. Trình UBND tỉnh bổ sung quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện: Khu công nghiệp Ngọc Vân 150ha; khu công nghiệp Tiên Sơn- Phúc Sơn 125ha; cụm công nghiệp Ngọc Châu 75ha; cụm công nghiệp Lãng Cao 48ha; quy hoạch mở rộng 02 cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Đồng Đình 20ha; cụm công nghiệp Đồng Điều 45ha.

1.8. Công tác Tài nguyên - Môi trường

Tập trung chỉ đạo công tác thống kê đất đai năm 2019; lập, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2020; thống kê các danh mục công trình dự án thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2020 cho 55 công trình, diện tích 329 ha tại các xã, thị trấn. Công tác đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy CNQSD đất, chỉnh lý biến động được triển khai quyết liệt, kết quả: Đã hoàn thiện đo đạc bản đồ địa chính 4 xã (*Ngọc Thiện, Ngọc Lý, Cao Thượng, Hợp Đức*); thực hiện xong đo đạc dồn điền, đổi thửa năm 2018 của 14 xã; Cấp được 2.442 GCN đạt 149,3%KH (*trong đó, cấp lần đầu 1.253 giấy, cấp đổi 1189 giấy*); 5.025 giấy CNQSDĐ sau đo đạc bản đồ địa chính (*cấp theo dự án*), đạt 101%KH; 3.645 GCNQSDĐ sau dồn đổi ruộng, đạt 121,5%KH; chỉnh lý biến động được 3.852 trường hợp, diện tích 56,3ha.

Công tác quy hoạch, giao đất, thu hồi đất, giải quyết các tồn đọng về đất đai được thực hiện nghiêm túc, kết quả đã ban hành 22 thông báo chủ trương thu hồi đất, diện tích 15,6ha; 46 quyết định thu hồi, diện tích 29,2ha để chuyển mục đích sử dụng đất sang giao, cho thuê thực hiện các dự án trên địa bàn. Kiểm tra xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai 15 trường hợp, số tiền 35,5 triệu đồng.

Ban hành, triển khai thực hiện Đề án 126/ĐA-UBND ngày 17/9/2019 về thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt trên địa bàn; đôn đốc triển khai thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang; chỉ đạo xây dựng bãi rác thải của xã An Dương.

¹² Dư nợ: Ngân hàng NN&PTNT 1.476 tỷ đồng, Ngân hàng Đông Á 20,3 tỷ đồng, Ngân hàng đầu tư và phát triển 310,4 tỷ đồng; các tổ chức tín dụng 298,5 tỷ đồng.

¹³ Trong đó, Ngân hàng NN&PTNT 15,6 tỷ đồng; các quỹ tín dụng: 2,4 tỷ đồng; Ngân hàng Đông Á 3,5 tỷ đồng.

¹⁴ Dự án “Nhà máy gạch Tuynel Hưng Thịnh” của công ty TNHH sản xuất và xây dựng Hưng Thịnh; “Nhà máy gạch tuynel Hưng Thịnh Tân Yên” của Công ty cổ phần Hưng Thịnh Tân Yên; “khu tổ hợp DV, TM và cho thuê VP” của Công ty TNHH TM Hợp Long; Dự án “Trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao” của hộ Thân Thanh Huy; dự án “Cửa hàng kinh doanh xăng dầu” của Công ty TNHH SX&TM TNH; dự án “cửa hàng kinh doanh xăng dầu loại 3” của Cty TNHH Hà Trung Bắc Giang; dự án “Xưởng chế biến và bảo quản rau củ” của HTX SX-KD NN Vinh Quang; dự án “Xưởng hoàn thiện, đóng gói sản phẩm từ giấy” của hộ Nguyễn Văn Hưng;

2. Lĩnh vực Văn hóa- Xã hội

2.1. Văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phục vụ các sự kiện và nhiệm vụ chính trị của đất nước, của tỉnh và của huyện; khôi phục và tổ chức thành công lễ hội Bảo Lộc Sơn; Khánh thành Đền thờ Anh hùng liệt sỹ huyện Tân Yên; Tổ chức tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước⁽¹⁵⁾... Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và Công tác gia đình đạt nhiều kết quả⁽¹⁶⁾; Công tác quản lý di sản văn hóa được quan tâm, chỉ đạo tổ chức thành công 05 lễ hội trọng điểm của huyện⁽¹⁷⁾ và 03 đơn vị hoàn thành việc tu bổ, tôn tạo di tích trong năm 2019⁽¹⁸⁾; Tổ chức thành công Hội diễn văn nghệ quần chúng công nhân, viên chức và người lao động năm 2019 chào mừng kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh⁽¹⁹⁾ và tham gia liên hoan hát Châu văn, hát Chèo tỉnh đạt giải A toàn đoàn; hát Ca trù, hát Quan họ tỉnh Bắc Giang đạt giải C toàn đoàn.

Công tác du lịch được đẩy mạnh⁽²⁰⁾; Phong trào TDTT tiếp tục được duy trì và phát triển. Tổ chức thành công 13/13 giải thể thao cấp huyện, trao 156 nhất, 156 nhì, 276 ba. Tham gia 14/14 giải thể thao cấp tỉnh, đoạt 31 HCV, 32 HCB, 38 HCD dẫn đầu 10 huyện, thành phố. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội⁽²¹⁾.

Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tiếp tục được đẩy mạnh, phối hợp với Sở TT&TT tỉnh tổ chức 02 lớp tập huấn sử dụng chữ ký số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn; công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin, không có sự cố xảy ra; Hỗ trợ nâng cấp Đài truyền thanh các xã: Hợp Đức, Ngọc Thiện, Phúc Hòa, Quế Nham, Tân Trung; Quản lý tốt các cơ sở, điểm kinh doanh văn hoá, văn nghệ, dịch vụ giải trí trên địa bàn⁽²²⁾.

2.2. Giáo dục - Đào tạo

Hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm học 2018- 2019. Kết quả, ngành giáo dục được Sở GD&ĐT đánh giá hoàn thành xuất sắc 14/15 lĩnh vực công tác, cụ thể: Học sinh Tiểu học hoàn thành chương trình đạt 99,69%; Xếp loại học lực học sinh

¹⁵ Trang trí 2.256 chiếc băng zôn, niêm yết 3.121 tranh cổ động, áp phích các loại; 63.098 chiếc cờ tổ quốc, 6.826 chiếc cờ mừng, cờ hội, 8000 tờ rơi về phòng chống bạo lực gia đình, hơn 2000 cuốn tạp chí; Trung tâm VH-TT huyện: Treo 405 chiếc băng zôn, 50 dây cờ vải qua đường, 130 lượt cờ đuôi cá, 1000 lượt cờ mừng, thay mới 20 pano khổ lớn, 30 pano khổ nhỏ; Các doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức thay mới hệ thống pano tuyên truyền đã rách, cũ trên địa bàn huyện; được BCĐ cấp tỉnh xác định là huyện có nhiều biện pháp đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động của phong trào so với các huyện, thành phố.

¹⁶ Đã công nhận 270/322 thôn, khu phố văn hóa, đạt 83,9%; 19/322 thôn, khu phố đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen đạt thành tích đạt 5 năm liên tục; 13/322 thôn, khu phố điển hình "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp"; 174/205 cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, đạt 84,9%; 10 xã (Ngọc Vân, Việt Ngọc, Ngọc Thiện, An Dương, Lan Giới, Cao Xá, Song Vân, Liên Chung, Hợp Đức, Tân Trung) đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; tỷ lệ gia đình văn hóa toàn huyện đạt 89,4%.

¹⁷ Lễ hội Đền Trưng, Ngọc Châu; Đình Hà, xã Tân Trung; Đình Vòng, xã Song Vân; Đền Dành, xã Liên Chung; Bảo Lộc Sơn, Việt Lập.

¹⁸ Đình, chùa Làng Chung, Lam Cốt; Chùa Cỏ Am, xã Cao Thượng; Chùa Tam Hà, xã Ngọc Thiện.

¹⁹ Kết quả trao 5 giải Nhất, 5 giải Nhì, 7 giải Ba, 11 giải khuyến khích cho các tập thể và các cá nhân tham gia.

²⁰ Trong năm toàn huyện đã đón tiếp gần 90.000 lượt người đến tham quan văn cảnh tại các điểm du lịch, di tích và danh thắng trên địa bàn (trong đó tiếp hơn 70.000 lượt người tới tham quan các di tích, Khu lưu niệm 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân (riêng Khu lưu niệm tiếp được 547 đoàn với 22.283 lượt người), còn lại là đi thăm các vùng cây ăn quả, các làng nghề...) và tổ chức 10 chuyến du lịch về nguồn cho hơn 1200 em học sinh và thầy cô giáo, cán bộ đi tham quan du lịch trong và ngoài tỉnh)...

²¹ Trên địa bàn có 1.283 đám cưới trong đó có 388 (đạt 30,2%) đám cưới được tổ chức tại nhà văn hóa, sân khu liên cơ quan, 596 việc tang (trong đó có 98 trường hợp hỏa táng) thực hiện theo nếp sống văn minh.

²² Kiểm tra và nhắc nhở 38/46 điểm hoạt động kinh doanh, xử phạt 08 chủ cơ sở kinh doanh lưu trú, karaoke, kinh doanh TDTT, quảng cáo với số tiền 13.5 triệu đồng.

THCS Giỏi 14,16% (tăng 3,99 % so với cùng kỳ); Khá 44,83%; Trung bình 43,90% ; Yếu, Kém 3,13%; tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 99,86%; tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 96,07%. Thi HSG văn hóa THCS cấp tỉnh xếp thứ 4/10 huyện, TP; thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh xếp thứ 1/10; tham gia thi Hội khỏe Phù Đổng tỉnh xếp thứ 1/10; thi giai điệu tuổi hồng xếp thứ 2/10; có 03 học sinh dự thi các cuộc thi cấp quốc gia, trong đó có 01 học sinh đạt giải nhất.

Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được duy trì tại 24/24 xã, thị trấn; phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3 tại 24/24 xã, thị trấn; phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 tại 19/24 xã, thị trấn; mức độ 2 tại 5 xã, thị trấn. Cơ sở vật chất trường học tiếp tục tăng cường đầu tư theo hướng hiện đại đáp ứng các điều kiện dạy và học, trong năm đã hoàn thiện đưa vào sử dụng 05 công trình nhà hiệu bộ, 143 phòng học, 47 nhà vệ sinh, bổ sung gần 2000 bộ bàn ghế. Tỷ lệ kiên cố hóa lớp học đạt 98%.

Hoàn thành công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục kết hợp kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với 14 trường (07 trường Mầm non, 05 trường Tiểu học, 02 trường THCS) trong đó công nhận mới 4 trường (MN Song Vân, Quế Nham; Tiểu học Liên Chung; THCS Ngọc Thiện) vượt kế hoạch 01 trường, nâng tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia toàn huyện là 96%.

2.3. Công tác Y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình

Công tác phòng, chống dịch bệnh thường xuyên được quan tâm thực hiện; không có dịch bệnh, nguy hiểm xảy ra trên địa bàn. Chỉ đạo thực hiện khám, lập hồ sơ quản lý sức khỏe người dân, đến nay đã có 24/24 xã, thị trấn đã thực hiện xong và đạt trên 93% tăng 13% so kế hoạch (KH 80%); tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020 đạt 100%; tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi đạt 12,5% (giảm 0,3% so với kế hoạch); tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 98,9%.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đảm bảo an toàn thực phẩm, hành nghề y, dược; phân cấp, phân công rõ trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm, hành nghề y, dược từ huyện đến cấp xã. Thực hiện kiểm tra chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm, hành nghề y dược tư nhân. Kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm 1.698/2.345 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; 26/42 bếp ăn của các trường. Trong đó tuyến xã 1.571 cơ sở, tuyến huyện 127 cơ sở; kiểm tra hành nghề y, dược 95/188 cơ sở⁽²³⁾; Công tác tuyên truyền, thực hiện tiếp nhận và điều trị thay thế nghiện các dạng chất thuốc phiện bằng Methadone thường xuyên cho 81 bệnh nhân²⁴.

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản được duy trì; tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,08%, giảm 0,05 điểm so kế hoạch. Tổng số sinh 2.869 người, giảm 59 người so với cùng kỳ; tỷ suất sinh 14,7‰; giảm 0,5‰ so cùng kỳ; tỷ số giới tính khi sinh 111 nam/100 nữ; tỷ lệ sinh lần 3⁺ là 11,6%, tăng 0,5% so với cùng kỳ.

²³ Các đoàn kiểm tra đã phát hiện 23 cơ sở vi phạm về an toàn thực phẩm, xử phạt với số tiền 56.985.000 đồng (huyện xử phạt 22 cơ sở với số tiền 52.985.000đ; xã xử phạt 02 cơ sở với số tiền 4.000.000đ, TT Nhã Nam, xã Cao Thượng). Kiểm tra hành nghề y, dược tư nhân, phát hiện vi phạm và xử phạt 30 cơ sở, số tiền 96.650.000đ (trong đó xã xử phạt 10 cơ sở với số tiền 11.500.000đ xã Quế Nham, Song Vân, TT Cao Thượng, Ngọc Thiện, Ngọc Châu, Hợp Đức, Đại Hóa, Phúc Sơn, Quang Tiến, Việt Lập).

²⁴ Trung tâm Y tế huyện 41 bệnh nhân; Trung tâm Giáo dục- LĐXH Ngọc Châu 40 bệnh nhân

2.4. Công tác Lao động - Thương binh và xã hội

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách cho người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em; Tổ chức đoàn thăm, tặng quà cho người có công nhân dịp Tết nguyên đán; ngày TBLN 27/7 với 37.752 suất quà, số tiền 6.665.600.000 đồng²⁵. Tổ chức truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ VNAH Lương Thị Bốn, xã Phúc Hòa; Tổ chức Lễ truy điệu và trao tặng Bằng “Tổ quốc ghi công” của liệt sỹ Đỗ Quý Trường tại thị trấn Nhã Nam.

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm thường xuyên được quan tâm chỉ đạo. Giải quyết việc làm mới cho 3.472 lao động, đạt 110,6% KH, xuất khẩu lao động 355 người đạt 110,9% KH; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,2%, tăng 5,7% so với cùng kỳ. Cấp thẻ BHYT cho 5.200 người thuộc hộ nghèo; 7.100 người hộ cận nghèo; 45.000 người thuộc hộ gia đình có mức sống trung bình và 5.391 đối tượng BTXH. Tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019, kết quả tỷ lệ hộ nghèo 2,96%, giảm 1,12% so với cùng kỳ.

3. Lĩnh vực nội chính

3.1. Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện trên các lĩnh vực, tập trung vào các luật và quy định liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Tổ chức 13 hội nghị tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật như Luật Tố cáo, Luật An ninh mạng, Luật Công an nhân dân, Luật Hòa giải ở cơ sở... cho hơn 1.390 người tham dự; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tổ chức 196 cuộc, cho trên 17.000 lượt người, phát 7.250 tài liệu tuyên truyền các loại, phát sóng 560 chương trình PBGDPL trên hệ thống Đài truyền thanh. Công tác hoà giải ở cơ sở, tổ chức hoà giải 119 vụ, hoà giải thành 97/119 vụ, đạt 82%.

Công tác xử lý vi phạm hành chính đã được các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện, UBND xã, thị trấn quan tâm tổ chức thực hiện. Năm 2019, tổng số vụ xử phạt vi phạm hành chính 3.929 vụ, tổng số tiền xử phạt 4,4 tỷ đồng, trong đó Chủ tịch UBND huyện ban hành 34 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các cơ quan, đơn vị tỉnh đóng trên địa bàn xử phạt 3.193 vụ, Chủ tịch UBND và Trưởng Công an các xã, thị trấn đã lập biên bản và ban hành quyết định xử phạt 710 trường hợp. Các vụ việc vi phạm chủ yếu lĩnh vực an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, giao thông đường bộ, xây dựng, kinh doanh hàng hóa nhập lậu, vi phạm đăng ký kinh doanh, vi phạm nhãn hiệu hàng hóa...

3.2. Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Tỉnh ủy Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII “*một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” và “*tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng*”

²⁵ Quà Chủ tịch nước 9.225 suất, số tiền 1.878.000.000 đồng, quà Chủ tịch tỉnh 9165 suất, số tiền 4.564.500.000 đồng, quà Chủ tịch huyện 359 suất, 213 triệu đồng.

và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập“. Thực hiện xong đề án sáp nhập xã Cao Thượng vào thị trấn Cao Thượng; xã Nhã Nam vào thị trấn Nhã Nam; rà soát, sắp xếp sáp nhập 94 thôn, khu phố để thành lập 44 thôn, khu phố thuộc 13 xã, thị trấn (*giảm 50 thôn, còn 317/367 thôn, khu phố*); sáp nhập 06 đơn vị Trường MN thành 03 trường Mầm non²⁶.

Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được kiện toàn và củng cố đảm bảo việc bố trí phù hợp theo Đề án vị trí việc làm được tỉnh phê duyệt; kịp thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ một số đơn vị trực thuộc UBND huyện. Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ. Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính, thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần của Văn bản số 1937-CV/TU ngày 29/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về việc thực hiện nghiêm quy định thời gian làm việc và quy định không uống rượu, bia.

Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch công tác cải cách hành chính, trọng tâm đẩy mạnh cải cách TTHC, tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động của người dân và doanh nghiệp; thường xuyên chỉ đạo rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính mới được ban hành; cập nhật kịp thời quy trình nội bộ giải quyết TTHC trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử cấp huyện, cấp xã. Tập trung tổ chức thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong việc xây dựng chuyên đổi, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn.

Phong trào thi đua yêu nước được phát động và triển khai rộng khắp trên nhiều lĩnh vực đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn huyện; đồng thời phát động nhiều đợt thi đua chuyên đề gắn với các nhiệm vụ phát triển KTXH của huyện. Năm 2019, với chủ đề “*Đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2019*”; chú trọng khen thưởng đột xuất, khen chuyên đề các tập thể, cá nhân trực tiếp lao động sản xuất. Công tác tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các điển hình tiên tiến ngày càng được quan tâm, tạo ra không khí phấn khởi, hăng hái thi đua trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn.

3.3. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng, tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra được triển khai nghiêm túc, đã triển khai thực hiện 8/8²⁷ cuộc thanh tra bằng 100% kế hoạch; ban hành 15 kết luận thanh tra đối với 41 đơn vị được

²⁶ Sáp nhập Trường MN Việt Ngọc số 1, Trường MN Việt Ngọc số 2 thành Trường MN Việt Ngọc; sáp nhập Trường MN Ngọc Vân số 1, Trường MN Ngọc Vân số 2 thành Trường MN Ngọc Vân; sáp nhập Trường MN Cao Xá số 1, Trường MN Cao Xá số 2 thành Trường MN Cao Xá.

²⁷ 01 cuộc thanh tra công tác quản lý và sử dụng ngân sách giai đoạn 2015-2018 tại 03 đơn vị (Thị trấn Nhã Nam, xã Nhã Nam và xã Cao Thượng); 01 cuộc thanh tra công tác quản lý đầu tư XDCB các công trình do Chủ tịch UBND huyện, Trung tâm phát triển Quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện và 09 xã, thị trấn làm chủ đầu tư, giai đoạn 2015-2018; 01 cuộc thanh tra trách nhiệm đối với Chủ tịch UBND xã trong việc thực hiện các quy định pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN tại 05 đơn vị (UBND các xã: Đại Hóa, Quang Tiến, An Dương, Liên Sơn và Phúc Hòa) giai đoạn 2016-2018; 01 cuộc thanh tra công tác quản lý, sử dụng ngân sách và nguồn xã hội hóa giáo dục tại 04 trường học trên địa bàn xã Việt Ngọc (TH cơ sở, Tiểu học, Mầm non số 1, Mầm non số 2 Việt Ngọc); 01 cuộc thanh tra PCTN tại 02 đơn vị (Phòng VH-TT huyện và Trường Mầm non xã Cao Thượng); 01 cuộc thanh tra công tác quản lý đầu tư XDCB đối với các công trình do các HTX dùng nước trên địa bàn huyện làm chủ đầu tư giai đoạn 2017-2018 (15 HTX); 01

thanh tra, còn 01 cuộc thanh tra đang tiến hành thanh tra trực tiếp. Qua thanh tra phát hiện tổng số tiền vi phạm là 780,3 triệu đồng, trong đó kiến nghị thu hồi 463,4 triệu đồng, kiến nghị giảm trừ giá trị xây lắp khi quyết toán 263,9 triệu đồng, xử lý khác 53,0 triệu đồng; kết quả đã thu hồi 463,4 triệu đồng bằng 100%; kiểm điểm và làm rõ trách nhiệm đối với 09 cá nhân và kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 25 chủ đầu tư công trình XDCCB.

Việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý sau thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan Trung ương, tỉnh, huyện phải thực hiện 16 quyết định, kết luận (trong đó của Chủ tịch UBND huyện là 07, cấp xã 9); đã thực hiện xong 15/16 đạt 93,7%, còn 01 kết luận đang đôn đốc thực hiện.

Công tác phòng, chống tham nhũng được đảm bảo, tính công khai, minh bạch trong hoạt động các cơ quan, đơn vị nhà nước từng bước được cải thiện, 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân theo quy định.

Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện từng bước được củng cố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện Đề án số 35/ĐA-UBND ngày 28/4/2014 của UBND huyện về nâng cao chất lượng công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện. Năm 2019, toàn huyện đã tiếp 355 công dân đến phản ánh, kiến nghị 293 vụ việc (giảm 223 lượt người so với cùng kỳ năm trước); tiếp nhận 232 đơn các loại, giảm 17,7% so với cùng kỳ, trong đó có 202 đơn (KN 13, TC 42, ĐN 147) thuộc thẩm quyền giải quyết. Đơn tồn từ năm 2018 chuyển sang là 08 đơn (KN 1, TC 2, ĐN 5); nâng tổng số đơn phải giải quyết trong kỳ lên 210 đơn (KN 14, TC 41, ĐN 148). Kết quả đã giải quyết xong 201 đơn (KN 12, TC 41, ĐN 148) đạt 95,7%.

3.4. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương

Thường xuyên duy trì và thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, rèn luyện kỷ luật, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Thực hiện công tác tuyển quân và giao nhận quân năm 2019, đạt 100% chỉ tiêu (295 thanh niên). Tăng cường, nắm tình hình, các biện pháp ứng phó, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị và các ngày lễ lớn của đất nước. Chỉ đạo xã Ngọc Thiện, Ngọc Vân, TT Nhã Nam tổ chức diễn tập PCTT-TKCN năm 2019; xã Việt Ngọc, Đại Hóa tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2019.

Triển khai tốt công tác động viên dân quân dự bị, công tác giáo dục QP&AN theo kế hoạch; hoàn thành 100% chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện, hội thao cho lực lượng DQTV theo kế hoạch và đảm bảo an toàn. Tiếp tục tiếp nhận và xét duyệt 400 hồ sơ cho các đối tượng chính sách theo Quyết định số 49, 62 của Thủ tướng Chính phủ, trong năm đã chi trả trợ cấp cho 1.761 trường hợp theo Quyết định 49, 62 số tiền 3,87

cuộc thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất của Công ty cổ phần Giống chăn nuôi Bắc Giang và 01 cuộc thanh tra việc quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm trang thiết bị y tế và vật tư y tế, đấu thầu thuốc chữa bệnh, giai đoạn từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 9 năm 2019, tại 4 đơn vị (BHXH huyện Tân Yên, TT y tế huyện, CTY TNHH bệnh viện Anh Quất, TY TNHH Phòng khám đa khoa Ngọc Thiện)

tỷ đồng; tiếp nhận và xét duyệt 106 hồ sơ thương binh cho các trường hợp theo Thông tư 28, Thông tư 202 của Bộ Quốc phòng; rà soát 12 hồ sơ liệt sỹ chưa được cấp bằng Tổ quốc ghi công và lập bản đồ tìm kiếm quy tập hài cốt liệt sỹ.

3.5. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; xây dựng, triển khai và chỉ đạo quyết liệt các phương án, kế hoạch phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống mua bán người; phòng chống cháy nổ trên địa bàn; hoạt động tội phạm được kiềm chế, các vi phạm pháp luật được xử lý nghiêm.

Tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 66 vụ, tăng 13 vụ so với cùng kỳ; trong đó trọng án xảy ra 04 vụ, án ít nghiêm trọng xảy ra 62 vụ²⁸. Tập trung đấu tranh phòng chống ma túy, đã bắt 20 vụ, 21 đối tượng; lập 08 hồ sơ cai nghiện bắt buộc, 30 hồ sơ cai nghiện tại gia đình, cộng đồng. Đấu tranh triệt phá được 01 ổ nhóm cướp giật tài sản, bắt xử lý 02 đối tượng; 01 ổ nhóm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bắt xử lý 02 đối tượng; 05 ổ nhóm về cờ bạc, xử lý 36 đối tượng; chỉ đạo lập hồ sơ đưa 27 đối tượng vào quản lý giáo dục tại xã, thị trấn. Đấu tranh quyết liệt với tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, môi trường, đã bắt 06 vụ, 10 bị can về hành vi buôn bán hàng cấm, hàng giả. Kiểm tra, xử lý 45 vụ, 47 đối tượng vi phạm hành chính liên quan các hành vi tàng trữ, vận chuyển buôn bán hàng cấm (pháo); tàng trữ, sử dụng súng; khai thác khoáng sản (đất) trái phép ... thu nộp ngân sách 196,4 triệu đồng.

Tai nạn giao thông xảy ra 23 vụ, làm 17 người chết, 07 người bị thương (*giảm 18 vụ, 11 người chết, 12 người bị thương so cùng kỳ*). Tai nạn khác xảy ra 19 vụ, 19 người chết²⁹ (*tăng 02 vụ, 01 người chết so với cùng kỳ*).

II. NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Lĩnh vực kinh tế

Tiến độ triển khai thực hiện một số công trình xây dựng cơ bản chậm so với kế hoạch; công tác quản lý trật tự hành lang ATDB còn hạn chế, tình trạng tái lấn chiếm vỉa hè, hành lang còn xảy ra phổ biến (*nhất là đối với 02 thị trấn*); thu hút đầu tư trên địa bàn chủ yếu các dự án nhỏ.

Công tác chỉ đạo duy trì, mở rộng sản xuất tại cánh đồng mẫu, vùng sản xuất hàng hóa tập trung ở một số xã chưa quyết liệt; một số mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển chưa ổn định. Chăn nuôi lợn gặp nhiều khó khăn không đạt kế hoạch; Ý thức chấp hành quy định về vệ sinh thú y của một số hộ dân chưa tốt, còn tình trạng vứt xác lợn chết ra ngoài môi trường làm lây lan dịch bệnh gây bức xúc trong nhân dân.

Quản lý tài chính, tài sản ở một số đơn vị chưa tốt, vẫn còn hiện tượng mua sắm trang thiết bị chưa thực hiện đúng quy định về mua sắm tập trung. Một chỉ tiêu thu ngân

²⁸ Gồm: Cỏ ý gây thương tích 23 vụ, trộm cắp tài sản 22 vụ, hủy hoại tài sản 02 vụ, cướp giật tài sản 03 vụ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản 05 vụ; lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 02 vụ, hiếp dâm người dưới 16 tuổi 02 vụ, dâm ô người dưới 16 tuổi 01.

²⁹ Gồm: Đuối nước xảy ra 07 vụ, 07 người chết; tự sát xảy ra 02 vụ 02 người chết; tai nạn lao động xảy ra 03 vụ, 03 người chết do các nguyên nhân khác xảy ra 07 vụ, 07 người chết.

sách chưa đạt kế hoạch đề ra (*Phí lệ phí, ước thực hiện 3,2 tỷ đạt 84%KH*). Việc quyết toán các công trình đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành còn chậm.

Tình trạng vi phạm Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường còn xảy ra³⁰; việc thu hồi đất, xây dựng hạ tầng đầu giá quyền sử dụng đất ở một số xã còn chậm; còn tình trạng khai thác đất sản xuất vật liệu xây dựng, đất san lấp mặt bằng, xây dựng công trình trái phép; quây lán trên đất nông nghiệp; việc chỉnh lý biên động đất đai sau hiến đất chậm; hiện tượng vứt, xả rác thải không đúng nơi quy định tại một số điểm dân cư, tuyến đường chưa được giải quyết, xử lý kịp thời.

1.2. Lĩnh vực Văn hóa - xã hội

Công tác tuyên truyền, quảng bá về tiềm năng du lịch còn chưa hiệu quả; một số lễ hội tổ chức còn mang tính hình thức; công tác quản lý nhà nước về dịch vụ viễn thông, quảng cáo còn chưa được thường xuyên kiểm tra. Công tác quản lý di sản văn hóa ở một số địa phương vẫn để xảy ra sai phạm trong việc trùng tu, tôn tạo di tích. Hoạt động ứng dụng CNTT trong quản lý văn bản và điều hành công việc; thực hiện chữ ký số trong gửi nhận văn bản điện tử ở một số đơn vị chưa thường xuyên.

Công tác quản lý nhà nước về khám chữa bệnh trên địa bàn còn hạn chế. Còn tình trạng các cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập hoạt động trái phép. Công tác quản lý nhà nước về ATTP ở một số xã, thị trấn chưa được quan tâm còn để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm đông người.

Công tác quản lý các cơ sở giáo dục mầm non chưa được kiểm tra thường xuyên, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn vệ sinh thực phẩm. Tình trạng nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN đối với người lao động của một số hợp tác xã, doanh nghiệp vẫn còn.

1.3. Lĩnh vực nội chính

Việc bố trí, sắp xếp cán bộ không chuyên trách cấp xã, cấp thôn tại một số xã còn chậm; vẫn còn một số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm phải xử lý kỷ luật. Việc tuân thủ, thực hiện các quy định của pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính của một số cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn chưa chặt chẽ, còn có sai sót chưa đúng quy định của pháp luật.

Công tác tham mưu, đề xuất, quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chưa đồng bộ, còn tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong giải quyết các công việc liên quan đến cơ sở. Tiến độ triển khai nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị chưa kịp thời, thiếu sâu sát đã ảnh hưởng đến hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chung của huyện.

Công tác tiếp nhận, xử lý, phân loại một số vụ việc còn nhầm lẫn, thời gian phân loại, xử lý còn chậm, muộn; việc nắm bắt tiến độ, đôn đốc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền còn chậm; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ở một số xã, thị trấn trong một số vụ việc còn lúng túng, giải quyết đơn thư chưa đảm bảo trình tự, thủ tục cũng như nội dung, thời gian qui định.

³⁰ Năm 2019, có 20 trường hợp vi phạm đất đai (Xã Cao Thượng 08 trường hợp; Ngọc Thiện 06 trường hợp; Song Vân 03 trường hợp); 07 trường hợp vi phạm môi trường, khoáng sản

Tình hình an ninh trật tự trên một số mặt vẫn tiềm ẩn phức tạp; tội phạm giết người do nguyên nhân xã hội có chiều hướng tăng; tệ nạn ma túy, cờ bạc gây bức xúc trong nhân dân; tai nạn, va chạm giao thông tuy giảm sâu trên cả 3 tiêu chí, song vẫn còn diễn biến phức tạp.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

Bệnh dịch tả lợn Châu Phi xảy ra, lây lan làm ảnh hưởng và gây thiệt hại nặng đối với người chăn nuôi lợn. Điều kiện thời tiết nắng ấm, ít lạnh, mưa nhiều làm ảnh hưởng đến quá trình phân hóa mầm hoa trên cây vải, nhãn và ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ Mùa 2019.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa tương xứng với chi phí đầu tư, do vậy việc đẩy mạnh sản xuất và xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện chưa nhiều.

Ý thức chấp hành pháp luật về thuế của một bộ phận người nộp thuế chưa tự giác trong việc thực hiện chế độ kê khai, đăng ký thuế, còn có hành vi chây ỳ, trốn thuế, nợ đọng thuế kéo dài.

Chính sách pháp luật về khoáng sản, tài nguyên nước thiếu tính ổn định, chồng chéo, có văn bản còn mâu thuẫn với nhau nên khó áp dụng trong thực tế; một số chính sách pháp luật mới được triển khai chưa đồng bộ, khó khăn trong quá trình thực hiện. Ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân và doanh nghiệp trong việc chấp hành Luật Đất đai, Luật bảo vệ môi trường còn hạn chế.

Nhận thức của các chủ cơ sở hành nghề khám chữa bệnh tư nhân về các quy định của pháp luật còn chưa đầy đủ, chưa nắm rõ hết được các quy định về khám chữa bệnh và các quy định về ATTP.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn có mặt còn hạn chế; chưa quyết liệt trong điều hành và triển khai các nhiệm vụ được giao; thiếu tính chủ động nắm bắt, kiểm tra, đôn đốc dẫn đến vụ việc giải quyết KNTC còn chậm, muộn.

Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chưa chủ động thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đã được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt; chưa quyết liệt trong điều hành thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền, vẫn còn tình trạng đùn đẩy lên huyện.

Việc thực hiện công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn chủ quan, né tránh, trông chờ cấp trên; thiếu kiểm tra, đôn đốc, xử lý các vi phạm.

Cấp ủy, chính quyền ở một số nơi còn chưa thực sự quan tâm đến công tác quản lý đất đai, môi trường, khoáng sản; còn tình trạng giao phó cho cán bộ chuyên môn hoặc coi đó là nhiệm vụ của cơ quan cấp trên nên đã hạn chế đến công tác quản lý tài nguyên và môi trường từ cơ sở.

Sự chỉ đạo của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn đối với hoạt động của các cơ sở khám chữa bệnh chưa toàn diện, hiệu quả chưa cao; công tác quản lý nhà nước về ATTP, hoạt động khám chữa bệnh còn hạn chế.

Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ chưa chặt chẽ; một số cán bộ, công chức chưa thực sự làm tròn nhiệm vụ, thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu tinh thần học hỏi nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; chưa làm tốt công tác hướng dẫn, tư vấn, giúp đỡ cơ sở giải quyết công việc.

Ý thức chấp hành an toàn giao thông đường bộ, lấn chiếm lòng đường, vỉa hè của một số người dân chưa cao. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các quy định về trật tự hành lang ATGT đường bộ còn hạn chế; công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý xe chở hàng quá khổ, quá tải chưa quyết liệt.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2020

Năm 2020 là năm tiến hành tổng kết nhiệm kỳ, năm diễn ra Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Dự báo, tình hình kinh tế tiếp tục được duy trì ổn định và phát triển. Một số dự án tiếp tục được triển khai thực hiện như: Tuyến đường QL17; đường Tỉnh lộ 294 đoạn từ Tân Sỏi - Yên Thế đi Phúc Sơn - Tân Yên; dự án khu đô thị An Huy, thị trấn Cao Thượng; lập quy hoạch chi tiết khu dân cư phía Đông thị trấn Cao Thượng; khu dân cư xã Cao Xá; khu dân cư phía Đông Nam thị trấn Nhã Nam để thu hút nhà đầu tư... có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Song tình hình kinh tế - xã hội của huyện vẫn còn nhiều khó khăn: Thu hút doanh nghiệp vào đầu tư tại các cụm công nghiệp còn hạn chế; phát triển mở rộng sản xuất của doanh nghiệp còn khó khăn; sản xuất nông nghiệp chưa mang tính ổn định; thời tiết diễn biến bất thường, những rủi ro thiên tai, dịch bệnh có thể xảy ra; tình hình đơn thư, khiếu nại tố cáo vẫn còn diễn biến phức tạp;... Do đó đòi hỏi sự nỗ lực rất cao của các cấp, các ngành, tận dụng tốt các cơ hội, vượt qua khó khăn, thách thức, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2020.

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh gắn với tái cơ cấu kinh tế; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hoá, xã hội; thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trên các lĩnh vực. Tăng cường quốc phòng an ninh; đảm bảo an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015- 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

(1). Tốc độ tăng giá trị sản xuất: 11,8%.

(2). Cơ cấu kinh tế (*giá hiện hành*): Nông, lâm nghiệp thủy sản 31,1%, Công nghiệp xây dựng 38,5%, Thương mại - dịch vụ 30,4%.

- (3). Giá trị sản xuất bình quân đầu người: 83,9 triệu đồng.
- (4). Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha canh tác: 155 triệu đồng.
- (5). Xây dựng nông thôn mới: có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thành mục tiêu huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào tháng 6/2020.
- (6). Thu ngân sách trên địa bàn: 252,1 tỷ đồng (*Trong đó, không tính tiền sử dụng đất là 102,1 tỷ đồng*).
- (7). Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn: 4.180 tỷ đồng.
- (8). Tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học: 98,5%. Tỷ lệ trường đạt chuẩn QG 98,6%.
- (9). Tỷ lệ lao động qua đào tạo 72%.
- (10). Số lao động được tạo việc làm mới 3.500 người.
- (11). Tỷ lệ hộ nghèo 1,68%.
- (12). Tỷ lệ xã đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã 100%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn 99,5%.
- (13). Mức giảm tỷ lệ sinh: 0,15‰.
- (14). Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi: 12,35%.
- (15). Danh hiệu văn hóa: Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu GĐVH 87,5%; Tỷ lệ đơn vị đạt danh hiệu LVH-KPVH cấp huyện 76%; Tỷ lệ cơ quan đạt danh hiệu văn hóa 81%; Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên 41,5%.
- (16). Tỷ lệ thu gom chất thải ở nông thôn: 85%; Tỷ lệ rác thải nông thôn được xử lý: 75%. Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được thu gom: 97%; Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được xử lý: 95%.
- (17). Kiểm chế TNGT, phấn đấu giảm TNGT trên cả 3 tiêu chí "*số vụ, số người chết, số người bị thương*".

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2020

1. Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI nhiệm kỳ 2015-2020. Tập trung đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; trên cơ sở kết quả đã đạt được, dự báo tình hình trong thời gian tới, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, chú trọng vào những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm cùng các giải pháp tạo sự đột phá nhằm đảm bảo phát triển bền vững và tính khả thi trong triển khai thực hiện.

2. Tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, thực hiện tốt Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh. Kiểm soát chặt chẽ việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn NSNN; nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư và các cơ quan chuyên môn trong việc lập, thẩm định dự án đầu tư.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, tăng cường xúc tiến đầu tư vào địa bàn. Đề nghị tỉnh bổ sung khu công nghiệp Ngọc Vân; khu công nghiệp Tiên Sơn-Phúc Sơn; cụm công nghiệp Ngọc Châu; cụm công nghiệp Lăng Cao- Cao Xá.

Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư vào địa bàn như: Đường tỉnh 294 đoạn từ Tân Sỏi - Yên Thế đi Phúc Sơn - Tân Yên; tuyến đường QL17; dự án khu đô thị An Huy, thị trấn Cao Thượng; mở mới tuyến đường kết nối phía Tây của huyện³¹. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường GPMB, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án. Chỉ đạo quyết liệt, giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đảm bảo chất lượng ATTP, ứng dụng công nghệ cao. Mở rộng diện tích cây ăn quả, rau quả chế biến, rau quả thực phẩm, trang trại vùng nuôi thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGap. Duy trì phát triển sản xuất trên cánh đồng mẫu, vùng sản xuất hàng hóa tập trung có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp gắn với thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ trong sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết HĐND tỉnh, huyện. Tiếp tục thực hiện đề án phát triển cây ăn quả, cây dược liệu, cây vú sữa và dự án chương trình nông thôn miền núi giai đoạn 2017- 2019. Tăng cường quản lý nâng cao chất lượng sản phẩm nhãn hiệu hàng hóa đối với sản phẩm hàng hóa được công nhận; ứng dụng CNTT trong việc truy suất nguồn gốc. Làm tốt công tác PCTT-TKCN; công tác quản lý việc sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV, phân bón, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, đói rét cho đàn vật nuôi và thủy sản; phát triển sản xuất chăn nuôi an toàn dịch bệnh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ năm 2020. Chỉ đạo các xã đạt chuẩn xây dựng kế hoạch giữ vững và nâng cao các tiêu chí, đăng ký thực hiện thôn kiểu mẫu, xã nâng cao; hoàn thành các hạng mục công trình và hồ sơ phục vụ công nhận huyện nông thôn mới trước tháng 6/2020.

4. Tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2016-2020. Thực hiện tốt các biện pháp quản lý thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế; rà soát, nắm chắc các nguồn thu ở các lĩnh vực, ngành nghề và các địa bàn có khả năng tăng thu; theo dõi chặt chẽ việc đăng ký kinh doanh, kê khai thuế, phân loại các nguồn thu để có biện pháp thu hiệu quả. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án có sử dụng đất, khai thác đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện các hành vi trốn thuế, chuyển giá, tránh thất thu ngân sách nhà nước. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; chủ động xây dựng phương án dự phòng xử lý các trường hợp đột xuất, khẩn cấp.

5. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, làm tốt công tác qui hoạch, kế hoạch và quản lý đất đai trên địa bàn, hạn chế vi phạm về đất đai, sử dụng đất tiết kiệm, đúng mục đích. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 51-NQ/HU ngày 26/7/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy đối với công tác quản lý đất đai trên địa bàn và Thông báo số 480-TB/TU ngày 20/12/2018 và Kết luận số 208-KL/TU ngày 18/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số vướng mắc, bất cập trong công tác quản lý đất đai trên

³¹ Tuyến đường từ TL294 đi qua các xã Quang Tiến - Đại Hóa - Lam Côt - Song Vân- giao TL295 - Ngọc Vân đi qua xã Việt Tiến. huyện Việt Yên, giao với QL37, kết nối với đường vành đai IV thủ đô.

địa bàn tỉnh. Công khai thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận quỹ đất phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Tập trung chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện cấp Giấy chứng nhận QSD đất, chỉnh lý biến động đất đai sau hiến đất.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và trách nhiệm của xã hội trong bảo vệ môi trường. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 14-NQ/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với việc đảm bảo vệ sinh môi trường; Đề án số 126/ĐA-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện về thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện; chỉ đạo hoàn thành việc xây dựng bãi xử lý rác thải của các xã: An Dương, Liên Chung, Cao Xá. Tiếp tục triển khai thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh.

6. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy của các cấp học. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn, cải thiện thành tích thi học sinh giỏi quốc gia và cấp tỉnh. Tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm trái quy định, lạm thu trong các trường học. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học theo hướng chuẩn hoá, kiên cố hoá, hiện đại hoá.

Tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ năm học 2019-2020. Chuẩn bị tốt các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới từ lớp 1. Chỉ đạo giáo viên tham gia bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn theo Luật giáo dục mới. Chỉ đạo nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, chất lượng phổ cập giáo dục tiến tới huyện đạt phổ cập trung học cơ sở mức độ 3.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; Tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội tại các xã, thị trấn. Thực hiện công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động.

7. Làm tốt công tác tuyên truyền, tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng đại hội đảng bộ các cấp, xây dựng huyện Nông thôn mới; khai thác và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh để phát triển du lịch nhất là khu sinh thái Núi Dành và 12 điểm Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt, Đồi văn hóa kháng chiến. Tập trung xây dựng, chỉnh trang hoàn thiện thiết chế văn hóa thông tin để huyện về đích Nông thôn mới; xây dựng các danh hiệu văn hóa đảm bảo chất lượng, bền vững. Triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực văn hóa thông tin. Duy trì các phong trào thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao. Đẩy nhanh việc xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng CNTT vào quản lý và sản xuất, kinh doanh.

Hoàn thành việc lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe người dân. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; Quản lý chặt chẽ hoạt động hành nghề y dược tư nhân; tăng cường quản lý nhà nước về thuốc chữa bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 01/9/2016 của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh phát triển đối tượng tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020, phấn đấu đến hết năm 2020 có trên 99,5% dân số trên địa bàn có thẻ BHYT. Nâng cao chất lượng dịch vụ dân số, gắn với chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh.

8. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức và Nhân dân trên địa bàn; tập trung phổ biến giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ; tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật trên các lĩnh vực, công tác xử lý vi phạm hành chính, chứng thực, hộ tịch.

Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khoá XII) "*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*" và "*Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*". Bố trí, sắp xếp tổ chức bộ máy cán bộ, công chức đối với thị trấn Cao Thượng, thị trấn Nhã Nam sau sáp nhập. Tổ chức bầu cử trưởng thôn, khu phố nhiệm kỳ 2020- 2022.

Xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước; quy định rõ trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong việc giải quyết từng nhiệm vụ cụ thể. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành của huyện. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả trong giải quyết công việc; xử lý nghiêm cán bộ, công chức gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu cho tổ chức và công dân.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020; triển khai đồng bộ phần mềm một cửa, một cửa liên thông 03 cấp: tỉnh, huyện, xã; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo mô hình một cửa, một cửa liên thông; giảm bớt đầu mối, rút ngắn thời gian giải quyết cho tổ chức, công dân; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và công bố công khai các thủ tục hành chính.

9. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng; nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng chống tham nhũng; tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công khai, minh bạch thông tin về tiến độ giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính và thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của các tổ chức, cá nhân đối với các cơ quan nhà nước. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và ý thức chấp hành pháp luật của mỗi cá nhân và cộng đồng. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt các quyết định, kết luận sau thanh tra, kiểm tra.

10. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; bảo đảm an toàn trước, trong và sau Đại hội đảng các cấp. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; nắm chắc tình hình tôn giáo, các địa bàn

trọng điểm về an ninh trật tự để chủ động xử lý các tình huống, không để bị động, bất ngờ; bảo vệ tuyệt đối an toàn trong các ngày lễ, sự kiện chính trị quan trọng. Thực hiện tốt công tác tuyên quân, huấn luyện, diễn tập, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, kiềm chế, không để tội phạm gia tăng; đẩy lùi nạn trộm cắp, cờ bạc, ma túy. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên địa bàn; xử lý nghiêm các phương tiện vận tải vi phạm trên địa bàn.

11. Phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa chính quyền với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội trong hệ thống chính trị để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân, hội viên tham gia xây dựng, phát triển kinh tế-xã hội. Nâng cao chất lượng trong công tác phối hợp xử lý các vấn đề xã hội, thực hiện các mô hình điểm,..coi trọng công tác sơ, tổng kết, phát huy điển hình nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế-xã hội năm 2020 đề ra./.


Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh; Sở KH-ĐT tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XIX;
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc HU, UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

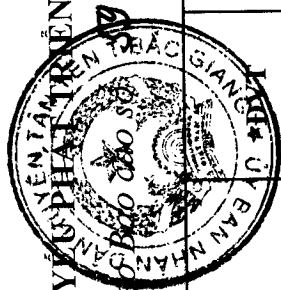


[Handwritten signature]

Đương Ngô Mạnh

17 CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2019 VÀ SO VỚI MỤC TIÊU ĐẠI HỘI

(Kèm theo Quyết định số 10 /BC-UBND ngày 10 /12/2019 của UBND huyện)



TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		ƯTH 2019/TH 2018 (%)	So sánh kế hoạch (%)	So với MTDH	
			Kế hoạch giao	Ước thực hiện			Mục tiêu	Kết quả
1	Tốc độ tăng giá trị sản xuất	7,567.0	8,707	8,706.0	115.1	100.0	12-14%	Vượt
2	Cơ cấu kinh tế (giá HH)	100.0	100.0	100.0	-	-		Đạt
	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	35.9	34.3	32.5	-	-	38-39%	Giảm 5,5%
	Công nghiệp- Xây dựng	36.8	38.4	38.4	-	-	37-39%	Tăng 1,4%
	Thương mại- dịch vụ	27.3	27.3	29.1	-	-	22-24%	Tăng 7,1%
3	Giá trị SX bình quân đầu người (giá HH)	63.8	74.3	75.0	117.6	100.9	70-73	Vượt
4	Giá trị SX bình quân trên 1 ha canh tác	135.0	151.0	152.0	112.6	100.7	140-150	Vượt
5	Xây dựng NTM 03 xã đạt NTM	3.0	3.0	4.0	133.3	133.3	22.0	Chưa đạt (68,2%)
6	Thu ngân sách trên địa bàn (không tính thu tiền cấp quyền sử dụng đất)	122.3	82.0	118.9	97.2	145.0	10-15%	Đạt
7	Tổng GT đầu tư phát triển trên địa bàn	2,832	3,590	3,600	127.1	100.3	12,000	Chưa đạt (88,3%)
8	Tỷ lệ dân số đô thị	5.72	5.80	5.83	-	-	7-10%	Chưa đạt
9	Giáo dục							Đạt
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	88.5	93.3	96.0	-	-	95.0	
	Tỷ lệ KCH trường lớp học	92.5	95.0	98.0	-	-	98.0	
10	Lao động							Đạt
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	64.5	68.0	70.2	-	-	70.0	

	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	3,450	3,140	3,472	100.6	110.6	3,400	
11	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	4.08	3.00	2.96	-	-	Thấp hơn mức BQ chung của tỉnh	Đạt
12	Các danh hiệu văn hóa								Vượt
	Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu GDVH	%	86.7	86.8	89.4	-	-	86.0	Tăng 3,4%
	TL đơn vị danh hiệu làng, KPVH cấp huyện	%	75.4	75.7	83.9	-	-	70.0	Tăng 13,9%
	Cơ quan văn hóa	%	69.5	80.2	84.9	-	-	-	
13	Xã đạt chuẩn QG về y tế	Xã, TT	23.0	24.0	24.0	104.3	100.0	100.0	Đạt
	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	97.5	98.6	98.9	-	-	85.0	Vượt (tăng 13,9%)
14	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	(0,17)	(0,2)	(0,5)	-	-	-	
15	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi	%	12.8	12.8	12.5	-	-	-	
16	Các chỉ tiêu về môi trường								Chưa đạt
	Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được thu gom	%	95.0	97.0	97.0	-	-	98.0	Chưa đạt
	Tỷ lệ rác thải ở nông thôn được thu gom	%	70.0	70.0	80.0	-	-	45.0	Đạt
	Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch	%	50.0	52.0	52.0	-	-	98.0	Chưa đạt
	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước HVS	%	91.0	94.0	94.0	-	-	95.0	Chưa đạt
17	Tai nạn giao thông								
	Số vụ	Vụ	41.0	Giảm trên cả 3 tiêu chí	23.0	56.1			
	Số người chết	Người	28.0		17.0	60.7			

* Ghi chú: Thu ngân sách trên địa bàn (không tính thu tiền cấp quyền sử dụng đất) tăng bình quân/năm 15,65% (trong đó, năm 2016, tăng 47,8%; năm 2017, tăng 11,4%; năm 2018, tăng 12%; năm 2019, giảm 8,6%).

- Tổng giá trị đầu tư phát triển trên địa bàn 10.597/12.000 tỷ đồng, năm 2016: 1.815 tỷ đồng; năm 2017: 2.350 tỷ đồng; năm 2018: 2.832 tỷ; năm 2019: 3.600 tỷ)

CHỈ TIÊU PHẠM VI KT-XH NĂM 2019, KẾ HOẠCH NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 10/UBND ngày 10/11/2019 của UBND huyện)



Số TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh		
			Kế hoạch giao	Ước thực hiện		ÚTH2019/TH 2018 (%)	ÚTH 2019/năm 2019 (%)	KH2020/ÚTH 2019 (%)
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP							
1	Tổng giá trị sản xuất (giá SS 2010)	Tỷ đồng	7,567	8,707	9,733	115.1	100.0	111.8
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	2,605	2,669	2,843	102.4	94.9	106.5
	- Công nghiệp-Xây dựng	Tỷ đồng	3,022	3,679	4,169	122.1	100.3	112.9
	- Dịch vụ, thương mại	Tỷ đồng	1,940	2,215	2,721	120.9	105.9	116.0
2	Tổng giá trị sản xuất (giá HH)	Tỷ đồng	10,924	12,892	14,686	118.3	100.3	113.6
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	3,922	4,417	4,576	107.1	95.1	108.9
	- Công nghiệp-Xây dựng	Tỷ đồng	4,017	4,950	5,650	123.7	100.4	113.7
	- Dịch vụ, thương mại	Tỷ đồng	2,985	3,525	4,460	125.9	106.6	118.7
3	Cơ cấu GTSX theo ngành kinh tế (giá HH)	%	100.0	100.00	100.00	100.0	100.0	100.0
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	35.9	34.3	32.5			
	- Công nghiệp-Xây dựng	%	36.8	38.4	38.4			
	- Dịch vụ, thương mại	%	27.3	27.3	29.1			
4	Giá trị sản xuất bình quân đầu người	Tr.đồng	63.8	74.3	83.9	117.6	101.0	111.9
5	Giá trị sản xuất bình quân 1 ha canh tác	Tr.đồng	135	151	152	112.6	100.6	102.0
6	Thu - chi ngân sách	Tr.đồng						
a)	Thu ngân sách	"	1069.3	713.4	802.4	125.9	188.7	59.6
	Thu ngân sách trên địa bàn	"	452.7	202.0	252.1	118.4	265.4	47.0

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2019/TH H 2018 (%)	U' TH 2019/KH năm 2019 (%)	KH2020/ U' TH 2019 (%)
	Trong đó: Thu không tính tiền đất	"	122.3	82.0	118.9	102.1	97.2	145.0	85.9
b)	Chi ngân sách		1029.5	694.0	1282.8	784.5	124.6	184.9	61.2
	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	370.6	108.0	460.4	135.0	124.2	426.3	29.3
	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	617.0	573.3	815.0	648.8	132.1	142.2	79.6
	<i>Trong đó:</i>								
	- Chi các sự nghiệp (GD, YT, VH, KT...)	Tỷ đồng	480.0	417.3	468.5	460.0	97.6	112.3	98.2
	- Chi cho quản lý hành chính nhà nước	Tỷ đồng	131.5	138.4	149.7	144.8	113.8	108.2	96.7
6	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	2,832	3,590	3,600	4,180	127.1	100.3	116.1
	- Vốn ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	344	400	605	410	175.9	151.3	67.8
	- Đầu tư của các doanh nghiệp	Tỷ đồng	290	400	160	200	55.2	40.0	125.0
	- Đầu tư trong dân cư	Tỷ đồng	2,198	2,790	2,835	2,950	129.0	101.6	104.1
B	MỘT SỐ CHỈ TIÊU KT CHỦ YẾU								
I	NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN								
1	Giá trị SX nông, lâm, thủy sản (Giá HH)	Tỷ đồng	3,922	4,417	4,201	4,576	107.1	95.1	108.9
	- Nông nghiệp	"	3,541	4,025	3,793	4,142	107.1	94.2	109.2
	+ Trồng trọt	"	1,526	1,750	1,780	1,890	116.6	101.7	106.2
	+ Chăn nuôi	"	1,925	2,200	1,915	2,150	99.5	87.0	112.3
	+ Dịch vụ nông nghiệp	"	90	75	98	102	108.9	130.7	104.1
	- Lâm nghiệp	"	19.0	22.0	23.0	24.0	121.1	104.5	104.3
	- Thủy sản	"	362.0	370.0	385.0	410.0	106.4	104.1	106.5
2	Diện tích một số cây trồng chủ yếu								

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2019/T H 2018 (%)	U' TH 2019/KH năm 2019 (%)	KH2020/ U' TH 2019 (%)
	- Lúa cả năm	Ha	12,853.0	12,740.0	12,822.0	12,630.0	99.8	100.6	98.5
	- Ngô	Ha	2,235.0	2,200.0	2,191.0	2,150.0	98.0	99.6	98.1
	<i>Trong đó, ngô hàng hóa</i>	Ha	1,905.0	1,885.0	1,870.0	1,900.0	98.2	99.2	101.6
	- Khoai tây	Ha	208.0	165.0	176.0	170.0	84.6	106.7	96.6
	- Khoai lang	Ha	530.0	625.0	497.0	716.0	93.8	79.5	144.1
	- Lạc	Ha	2,142.0	2,261.0	2,100.0	2,260.0	98.0	92.9	107.6
	- Rau quả thực phẩm các loại	Ha	2,689.0	2,495.0	2,674.0	3,215.0	99.4	107.2	120.2
	* Cây vải	Ha	1,320.0	1,329.0	1,329.0	1,300.0	100.7	100.0	97.8
3	Lâm nghiệp rừng	Ha	37.0	36.0	36.0	36.0	97.3	100.0	100.0
4	Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu								
	- Lúa cả năm	Tấn	75,477	73,000	72,053	73,250	95.5	98.7	101.7
	- Ngô	Tấn	8,533	8,470	8,808	8,800	103.2	104.0	99.9
	- Khoai tây	Tấn	2,515	1,979	2,559	2,045	101.7	129.3	79.9
	- Khoai lang	Tấn	6,021	7,000	5,884	8,363	97.7	84.1	142.1
	- Lạc	Tấn	5,722	6,033	5,638	6,091	98.5	93.5	108.0
	- Rau quả thực phẩm các loại	Tấn	42,970	39,920	54,526	53,050	126.9	136.6	97.3
	* Cây Vải	Tấn	15,000	13,000	14,784	13,500	98.6	113.7	91.3
5	Chăn nuôi								
	- Tổng đàn trâu (trung bình năm)	con	3,702.0	3,635.0	3,630.0	3,560.0	98.1	99.9	98.1
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	220.0	210.0	223.0	202.0	101.4	106.2	90.6
	- Tổng đàn bò (trung bình năm)	con	22,520	22,800	21,600	21,700	95.9	94.7	100.5

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2019/T H 2018 (%)	U' TH 2019/KH năm 2019 (%)	KH2020/ U' TH 2019 (%)
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	922.0	980.0	952.0	960.0	103.3	97.1	100.8
	- Tổng đàn lợn (trung bình năm)	1000con	223.0	225.0	170.2	201.5	76.3	75.6	118.4
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	30,650	31,850	25,800	28,500	84.2	81.0	110.5
	- Tổng đàn gia cầm các loại	1000 con	2,400	2,500	2,503	2,800	104.3	100.1	111.9
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	4,417	4,500	4,850	4,850	109.8	107.8	100.0
	Tổng sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	36,209.0	37,540	31,825.0	34,512	87.9	84.8	108.4
6	Thủy sản								
	- Diện tích nuôi, trồng thủy sản	Ha	1,372.0	1,375.0	1,368.0	1,378.0	99.7	99.5	100.7
	+ Diện tích thâm canh, bán thâm canh	Ha	1,265.0	1,270.0	1,265.0	1,265.0	100.0	99.6	100.0
	+ Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	Tấn	8,350.0	8,500.0	8,650.0	8,850.0	103.6	101.8	102.3
7	XD cánh đồng mẫu	CB	24.0	24.0	24.0	24.0	100.0	100.0	100.0
8	Số xã đạt xã NTM	Xã	3.0	3.0	6.0	5.0	200.0	200.0	83.3
II	CÔNG NGHIỆP - XÂY DỰNG								
1	Giá trị sản xuất CN-TTCN -XD (Giá HH)	Tỷ đồng	4,017.0	4,950.0	4,970.0	5,650.0	123.7	100.4	113.7
a)	Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	"	1,235.0	1,500.0	1,550.0	1,850.0	125.5	103.3	119.4
	+ Ngoài quốc doanh	"	1,235.0	1,500.0	1,550.0	1,850.0	125.5	103.3	119.4
b)	Xây dựng	"	2,782.0	3,450.0	3,420.0	3,800.0	122.9	99.1	111.1
2	Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu								
	Gạch máy	Triệu v	154.0	160.0	145.0	140.0	94.2	90.6	96.6
	Sản phẩm may mặc	1000SP	16,800	17,000	17,820	18,900	106.1	104.8	106.1
III	DỊCH VỤ								

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2019/T H 2018 (%)	U' TH 2019/KH năm 2019 (%)	KH2020/ U' TH 2019 (%)
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (giá HH)	Tỷ đồng	3,510.0	3,800.0	4,120.0	4,600.0	117.4	108.4	111.7
2	Giá trị thương mại, dịch vụ (giá HH)	Tỷ đồng	2,985	3,525	3,757	4,460	125.9	106.6	118.7
	<i>Trong đó:</i>								
	Thương mại	Tỷ đồng	725	875	897	1,050	123.7	102.5	117.1
	Dịch vụ	Tỷ đồng	2,260	2,650	2,860	3,410	126.5	107.9	119.2
IV	CHỈ TIÊU VH, XH - XD GIẢM NGHÈO								
1	Dân số								
	- Dân số trung bình	10 ³ người	171.24	173.55	173.60	175.00	101.4	100.0	100.8
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1.00	1.15	1.08	1.10	-	-	-
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	%	0.17	0.20	0.50	0.15	-	-	-
	- Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)	%	109.0	110.0	111.0	110.0	-	-	-
2	Lao động việc làm								
	- Số người trong độ tuổi lao động	Người	108,980	109,600	110,068	110,463	101.0	100.4	100.4
	- Số người lao động tham gia trong ngành KTQD	Người	107,090	107,840	108,950	109,359	101.7	101.0	100.4
	- Tổng số người có việc làm mới trong năm	Người	3,450	3,140	3,472	3,500	100.6	110.6	100.8
	<i>Trong đó: Lao động nữ</i>	Người	1,785	1,780	1,730	1,590	96.9	97.2	91.9
	<i>Xuất khẩu lao động</i>	Người	348	320	355	340	102.0	110.9	95.8
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động	%	64.5	68.0	70.2	72.0	-	-	-
3	Giảm nghèo								
	- Tổng số hộ	Hộ	49,209	49,867	49,612	50,468	100.8	99.5	101.7

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2019/ TH 2018 (%)	U' TH 2019/ KH năm 2019 (%)	KH2020/ U' TH 2019 (%)
	- Số hộ nghèo theo chuẩn mới	Hộ	2,006	1,494	1,468	850	73.2	98.3	57.9
	- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới)	%	4.08	3.00	2.96	1.68	-	-	-
4	Y tế, xã hội								
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi	%	12.8	12.8	12.5	12.35	-	-	-
	- Tỷ lệ xã y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới 2011-2020)	%	95.8	100.0	100.0	100.0	-	-	-
	- Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế	%	97.5	98.6	98.9	99.5	-	-	-
5	Văn hóa								
	- Gia đình được công nhận gia đình văn hóa	Gia đình	40,623	41,060	42,411	41,486	104.4	103.3	97.8
	- Tỷ lệ	%	86.7	86.8	89.4	87.5	-	-	-
	- Làng, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hoá cấp huyện	Làng, KP	277.0	278.0	270.0	245.0	97.5	97.1	90.7
	- Tỷ lệ	%	75.4	75.7	83.9	76.0	-	-	-
	- Số đơn vị đạt danh hiệu cơ quan văn hóa cấp huyện	Đơn vị	151.0	174.0	174.0	166.0	115.2	100.0	95.4
	- Tỷ lệ	%	69.5	80.2	84.9	81.0	-	-	-
	- Khu dân cư, khu phố điển hình sạch, xanh, sạch, đẹp	Làng, KP	8	14	13	14	162.5	92.9	107.7
	- Xã Văn hóa	Xã	3	2	10	1	333.3	500.0	10.0
	- Xây dựng thiết văn hóa thôn, khu phố (NVH, sân TT đạt chuẩn)	thôn, KP	59	91	146		247.5	160.4	0.0
6	Giáo dục								
a	Số lượng								
	- Quy mô trường	Trường	80.0	77.0	77.0	77.0	96.3	100.0	100.0

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		ƯTH2019/T H 2018 (%)	ƯTH 2019/KH năm 2019 (%)	KH2020/ ƯTH 2019 (%)
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	43,990.0	42,627.0	42,162.0	43,344.0	95.8	98.9	102.8
	+ Mẫu giáo	"	13,554.0	10,645.0	10,224.0	10,177.0	75.4	96.0	99.5
	+ Tiểu học	"	15,516.0	16,457.0	16,252.0	16,972.0	104.7	98.8	104.4
	+ Trung học cơ sở	"	9,867.0	10,425.0	10,235.0	10,945.0	103.7	98.2	106.9
	+ Trung học phổ thông	"	5,053.0	5,100.0	5,451.0	5,250.0	107.9	106.9	96.3
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	100.0	100.0	100.0	100.0	-	-	-
b	Chất lượng								
	- Xã, thị trấn đạt PCGD TH đúng độ tuổi mức độ 3	Xã, TT	24.0	24.0	24.0	22.0	100.0	100.0	91.7
	- Số xã, thị trấn duy trì đạt phổ cập THCS	Xã, TT	24.0	24.0	24.0	22.0	100.0	100.0	91.7
	- Phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã, TT	24.0	24.0	24.0	22.0	100.0	100.0	91.7
	- Tỷ lệ tốt nghiệp THPT	%	99.0	99.0	96.1	98.0	-	-	-
c	Cơ sở vật chất								
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	88.5	93.3	96.0	98.6	-	-	-
	Mầm non	Trường	22.0	23.0	24.0	24.0	109.1	104.3	100.0
	Tiểu học	Trường	23.0	23.0	24.0	24.0	104.3	104.3	100.0
	Trung học cơ sở	Trường	20.0	21.0	21.0	22.0	105.0	100.0	104.8
	Trung học phổ thông	Trường	3.0	3.0	3.0	3.0	100.0	100.0	100.0
	- Tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học	%	92.5	95.0	98.0	98.5	-	-	-
	Mầm non	%	91.0	94.0	95.0	95.0	-	-	-
	Tiểu học	%	92.1	93.0	94.0	97.0	-	-	-

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2019/T H 2018 (%)	U' TH 2019/KH năm 2019 (%)	KH2020/ U' TH 2019 (%)
	Trung học cơ sở	%	99.5	99.8	99.8	99.8	-	-	-
	Trung học phổ thông	%	100.0	100.0	100.0	100.0	-	-	-
7	Môi trường								
	- Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được thu gom	%	95.0	97.0	97.0	97.0	-	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được xử lý	%	84.0	90.0	90.0	95.0	-	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở nông thôn được thu gom	%	70.0	70.0	80.0	85.0	-	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở nông thôn được xử lý	%	60.0	60.0	70.0	75.0	-	-	-
	- Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch	%	50.0	52.0	52.0	55.0	-	-	-
	- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước HVS	%	91.0	94.0	94.0	95.0	-	-	-
V	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP								
1	Doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động	DN	9.0	9.0	9.0	9.0	100.0	100.0	100.0
	<i>Trong đó: Doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	DN	9.0	9.0	9.0	9.0	100.0	100.0	100.0
2	Tổng số doanh nghiệp	DN	288.0	298.0	343.0	363.0	119.1	115.1	105.8
	<i>Trong đó: Doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	DN	288.0	306.0	343.0	363.0	119.1	112.1	105.8
3	Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm	DN	29.0	18.0	45.0	20.0	155.2	250.0	44.4
4	Doanh nghiệp nước ngoài đăng ký mới	DN	0.0	1.0	0.0	1.0			
VI	PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ								
1	Tổng số Hợp tác xã	HTX	71.0	77.0	89.0	99.0	125.4	115.6	111.2
	<i>Trong đó thành lập mới</i>	HTX	9	6	12	10	133.3	200.0	83.3
VII	PHÁT TRIỂN HỘ DÂN DOANH	Hộ	850.0	750.0	780.0	800.0	91.8	104.0	102.6